TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 7 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Văn Nhận.
2. Ông Trần Minh Út.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 532/2026/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 550/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 096084013665, cấp ngày 17/7/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp Vàm X, xã S, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp Thị K, xã S, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Bùi Cẩm Ng, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 096184009141, cấp ngày 13/9/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp Vàm X, xã S, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp Thị K, xã S, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, anh Nguyễn Việt T và chị Bùi Cẩm N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau, anh T cho rằng giữa anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hiện anh và chị N đã sống ly thân gần 05 năm. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung, anh Nguyễn Việt T và chị Bùi Cẩm N chung sống với nhau có 02 người con chung là Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 14/12/2004 và Nguyễn Thị Kiều Duyên, sinh ngày 19/6/2007. Hiện các con đã thành niên, tự nuôi sống bản

thân được nên khi ly hôn, anh T không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung và nợ chung, anh Nguyễn Việt T khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, anh Nguyễn Việt T (nguyên đơn) đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Đối với chị Bùi Cẩm N (bị đơn), Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị N vẫn vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không có lý do. Riêng nguyên đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số: 106, ngày 15/9/2014 nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Mặc dù, trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn biết được việc nguyên đơn khởi kiện nhưng bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đều đó cho thấy bị đơn không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với nguyên đơn nên lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là có căn cứ. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận.

[3] Về con chung là Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 14/12/2004 và Nguyễn Thị Kiều Duyên, sinh ngày 19/6/2007. Hiện các con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, các đương sự không có ý kiến hay yêu cầu gì về con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Việt T về việc xin ly hôn chị Bùi Cẩm N.

- Về con chung là Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 14/12/2004 và Nguyễn Thị Kiều Duyên, sinh ngày 19/6/2007. Hiện các con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung, anh Nguyễn Việt T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh Nguyễn Việt T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 18/5/2026, anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0006250 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã S,
tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lâm Hoài Ân